

Phụ lục số 1 : Mẫu báo cáo gửi Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán
VPBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1029/CV- VPBankS

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 09/2025

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACG			ACG
7	ACL			ACL
8	ADG			ADG
9	ADP			ADP
10	ADS			ADS
11	AGG			AGG
12	AGR			AGR
13	ANV			ANV
14	ASG			ASG
15	ASM			ASM
16	AST			AST
17	BAF			BAF



18	BBC			BBC
19	BCM			BCM
20	BCE			BCE
21	BFC			BFC
22	BHN			BHN
23	BIC			BIC
24	BID			BID
25	BKG			BKG
26	BMC			BMC
27	BMI			BMI
28	BMP			BMP
29	BRC			BRC
30	BSI			BSI
31	BSR			BSR
32	BTP			BTP
33	BTT			BTT
34	BVH			BVH
35	BWE			BWE
36	CCI			CCI
37	CCL			CCL
38	CDC			CDC
39	CHP			CHP
40	CII			CII
41	CKG			CKG
42	CLC			CLC
43	CLL			CLL
44	CLW			CLW
45	CMG			CMG
46	CMV			CMV
47	CNG			CNG
48	COM			COM
49	CRC			CRC
50	CRE			CRE
51	CSM			CSM

52	CSV			CSV
53	CTD			CTD
54	CTF			CTF
55	CTG			CTG
56	CTI			CTI
57	CTR			CTR
58	CTS			CTS
59	CVT			CVT
60	D2D			D2D
61	DAT			DAT
62	DBC			DBC
63	DBD			DBD
64	DBT			DBT
65	DC4			DC4
66	DCL			DCL
67	DCM			DCM
68	DGC			DGC
69	DGW			DGW
70	DHA			DHA
71	DHC			DHC
72	DHG			DHG
73	DIG			DIG
74	DMC			DMC
75	DPG			DPG
76	DPM			DPM
77	DPR			DPR
78	DRC			DRC
79	DRL			DRL
80	DSC			DSC
81	DSE			DSE
82	DSN			DSN
83	DTA			DTA
84	DTT			DTT
85	DVP			DVP

86	DXG			DXG
87	DXS			DXS
88	EIB			EIB
89	ELC			ELC
90	EVF			EVF
91	EVG			EVG
92	FCM			FCM
93	FCN			FCN
94	FIR			FIR
95	FIT			FIT
96	FMC			FMC
97	FPT			FPT
98	FRT			FRT
99	FTS			FTS
100	GAS			GAS
101	GDT			GDT
102	GEE			GEE
103	GEG			GEG
104	GEX			GEX
105	GMD			GMD
106	GMH			GMH
107	GSP			GSP
108	GTA			GTA
109	GVR			GVR
110			HAG	HAG
111	HAH			HAH
112	HAR			HAR
113	HAX			HAX
114	HCD			HCD
115	HCM			HCM
116	HDB			HDB
117	HDC			HDC
118	HDG			HDG
119	HHP			HHP

120	HHS			HHS
121	HHV			HHV
122	HID			HID
123	HII			HII
124	HMC			HMC
125	HNA			HNA
126	HPG			HPG
127	HPX			HPX
128	HQC			HQC
129	HRC			HRC
130	HSG			HSG
131	HSL			HSL
132	HT1			HT1
133	HTG			HTG
134	HTI			HTI
135	HTL			HTL
136	HTN			HTN
137	HTV			HTV
138	HU1			HU1
139	HUB			HUB
140	HVH			HVH
141	ICT			ICT
142	IDI			IDI
143	IJC			IJC
144	ILB			ILB
145	IMP			IMP
146	ITC			ITC
147	ITD			ITD
148	KBC			KBC
149	KDC			KDC
150	KDH			KDH
151	KHG			KHG
152	KHP			KHP
153	KMR			KMR

154	KOS			KOS
155	KSB			KSB
156	L10			L10
157	LAF			LAF
158	LBM			LBM
159	LCG			LCG
160	LGC			LGC
161	LHG			LHG
162	LIX			LIX
163	LM8			LM8
164	LPB			LPB
165	LSS			LSS
166	MBB			MBB
167	MCM			MCM
168	MCP			MCP
169	MHC			MHC
170	MIG			MIG
171	MSB			MSB
172	MSH			MSH
173	MSN			MSN
174	MWG			MWG
175	NAB			NAB
176	NAF			NAF
177	NAV			NAV
178	NBB			NBB
179	NCT			NCT
180	NHA			NHA
181	NHH			NHH
182	NHT			NHT
183	NKG			NKG
184	NLG			NLG
185	NNC			NNC
186	NO1			NO1
187	NSC			NSC



188	NT2			NT2
189	NTL			NTL
190	OCB			OCB
191	OPC			OPC
192	PAC			PAC
193	PAN			PAN
194	PC1			PC1
195	PDN			PDN
196	PDR			PDR
197	PET			PET
198	PGC			PGC
199	PGD			PGD
200	PGI			PGI
201	PHC			PHC
202	PHR			PHR
203	PJT			PJT
204	PLP			PLP
205	PLX			PLX
206	PNC			PNC
207	PNJ			PNJ
208	POW			POW
209	PPC			PPC
210	PTB			PTB
211	PTC			PTC
212	PVD			PVD
213	PVP			PVP
214	PVT			PVT
215	QCG			QCG
216	QNP			QNP
217	RAL			RAL
218	REE			REE
219	RYG			RYG
220	S4A			S4A
221	SAB			SAB

222	SAM			SAM
223	SBA			SBA
224	SBG			SBG
225	SBT			SBT
226	SC5			SC5
227	SCR			SCR
228	SCS			SCS
229	SFC			SFC
230	SFG			SFG
231	SFI			SFI
232	SGN			SGN
233	SGR			SGR
234	SGT			SGT
235	SHA			SHA
236	SHB			SHB
237	SHI			SHI
238	SHP			SHP
239	SIP			SIP
240	SJD			SJD
241	SJS			SJS
242	SKG			SKG
243	SMB			SMB
244	SPM			SPM
245	SRC			SRC
246	SSB			SSB
247	SSC			SSC
248	SSI			SSI
249	ST8			ST8
250	STB			STB
251	STG			STG
252	STK			STK
253	SVC			SVC
254	SVI			SVI
255	SVT			SVT

256	SZC			SZC
257	SZL			SZL
258	TBC			TBC
259	TCB			TCB
260	TCH			TCH
261	TCI			TCI
262	TCL			TCL
263	TCM			TCM
264	TCO			TCO
265	TCT			TCT
266	TDC			TDC
267	TDG			TDG
268	TDM			TDM
269	TDP			TDP
270	TDW			TDW
271	TEG			TEG
272	THG			THG
273	TIP			TIP
274	TIX			TIX
275	TLD			TLD
276	TLG			TLG
277	TMP			TMP
278	TMS			TMS
279	TN1			TN1
280	TNC			TNC
281	TNT			TNT
282	TPB			TPB
283	TRA			TRA
284	TRC			TRC
285	TTA			TTA
286	TV2			TV2
287	TVB			TVB
288	TVS			TVS
289	TVT			TVT

290	TYA			TYA
291	UIC			UIC
292	VCB			VCB
293	VCF			VCF
294	VCG			VCG
295	VCI			VCI
296	VDP			VDP
297	VDS			VDS
298	VFG			VFG
299	VGC			VGC
300	VHC			VHC
301	VHM			VHM
302	VIB			VIB
303	VIC			VIC
304	VID			VID
305	VIP			VIP
306	VIX			VIX
307	VJC			VJC
308	VND			VND
309	VNL			VNL
310	VNM			VNM
311	VNS			VNS
312	VPD			VPD
313	VPG			VPG
314	VPI			VPI
315	VPS			VPS
316	VRC			VRC
317	VRE			VRE
318	VSC			VSC
319	VSI			VSI
320	VTB			VTB
321	VTP			VTP
322	YBM			YBM
323	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo này cho Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM
4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BED			BED
10	BKC			BKC
11	BPC			BPC
12	BSC			BSC
13	BTW			BTW
14	BVS			BVS
15	BXH			BXH
16	C69			C69
17	CAN			CAN
18	CAP			CAP
19	CAR			CAR
20	CCR			CCR
21	CDN			CDN
22	CEO			CEO
23	CIA			CIA
24	CJC			CJC
25	CKV			CKV
26	CLH			CLH
27	CLM			CLM



28	CMC			CMC
29	CMS			CMS
30	CPC			CPC
31	CSC			CSC
32	CTB			CTB
33	CTP			CTP
34	CTT			CTT
35	CX8			CX8
36	D11			D11
37	DAD			DAD
38	DAE			DAE
39	DC2			DC2
40	DHP			DHP
41	DHT			DHT
42	DIH			DIH
43	DL1			DL1
44	DNC			DNC
45	DNP			DNP
46	DP3			DP3
47	DST			DST
48	DTD			DTD
49	DTG			DTG
50	DTK			DTK
51	DVM			DVM
52	DXP			DXP
53	EBS			EBS
54	EID			EID
55	EVS			EVS
56	GDW			GDW
57	GIC			GIC
58	GLT			GLT
59	GMX			GMX
60	HAD			HAD
61	HAT			HAT

62	HCC			HCC
63	HDA			HDA
64	HGM			HGM
65	HHC			HHC
66	HJS			HJS
67	HKT			HKT
68	HLC			HLC
69	HLD			HLD
70	HMH			HMH
71	HMR			HMR
72	HTC			HTC
73	HUT			HUT
74	HVT			HVT
75	IDC			IDC
76	IDV			IDV
77	INC			INC
78	INN			INN
79	IPA			IPA
80	ITQ			ITQ
81	IVS			IVS
82	KHS			KHS
83	KMT			KMT
84	KSF			KSF
85	KST			KST
86	KSV			KSV
87	KTS			KTS
88	L14			L14
89	L18			L18
90	L40			L40
91	LAS			LAS
92	LBE			LBE
93	LCD			LCD
94	LHC			LHC
95	LIG			LIG

96	MAC			MAC
97	MBG			MBG
98	MBS			MBS
99	MCC			MCC
100	MCF			MCF
101	MCO			MCO
102	MDC			MDC
103	MEL			MEL
104	MKV			MKV
105	MST			MST
106	MVB			MVB
107	NAG			NAG
108	NAP			NAP
109	NBC			NBC
110	NBW			NBW
111	NDN			NDN
112	NDX			NDX
113	NET			NET
114	NFC			NFC
115	NHC			NHC
116	NSH			NSH
117	NST			NST
118	NTH			NTH
119	NTP			NTP
120	ONE			ONE
121	PBP			PBP
122	PCE			PCE
123	PCH			PCH
124	PCT			PCT
125	PDB			PDB
126	PGS			PGS
127	PHN			PHN
128	PIA			PIA
129	PIC			PIC

130	PJC			PJC
131	PLC			PLC
132	PMB			PMB
133	PMC			PMC
134	PMP			PMP
135	PMS			PMS
136	PPP			PPP
137	PPS			PPS
138	PPT			PPT
139	PPY			PPY
140	PRC			PRC
141	PRE			PRE
142	PSC			PSC
143	PSD			PSD
144	PSE			PSE
145	PSI			PSI
146	PSW			PSW
147	PTI			PTI
148	PTS			PTS
149	PTX			PTX
150	PVB			PVB
151	PVC			PVC
152	PVG			PVG
153	PVI			PVI
154	PVS			PVS
155	QHD			QHD
156	QST			QST
157	QTC			QTC
158	RCL			RCL
159	S55			S55
160	S99			S99
161	SAF			SAF
162	SCG			SCG
163	SD5			SD5

164	SD9			SD9
165	SDC			SDC
166	SDN			SDN
167	SEB			SEB
168	SED			SED
169	SFN			SFN
170	SGC			SGC
171	SGH			SGH
172	SHE			SHE
173	SHN			SHN
174	SHS			SHS
175	SJ1			SJ1
176	SJE			SJE
177	SLS			SLS
178	SMN			SMN
179	STC			STC
180	STP			STP
181	SVN			SVN
182	SZB			SZB
183	TA9			TA9
184	TBX			TBX
185	TDT			TDT
186	TET			TET
187	TFC			TFC
188	THD			THD
189	THS			THS
190	TJC			TJC
191	TKU			TKU
192	TMB			TMB
193	TMC			TMC
194	TMX			TMX
195	TNG			TNG
196	TOT			TOT
197	TPP			TPP

198	TSB			TSB
199	TTC			TTC
200	TTT			TTT
201	TV4			TV4
202	TVC			TVC
203	TVD			TVD
204	UNI			UNI
205	V12			V12
206	VBC			VBC
207	VC1			VC1
208	VC3			VC3
209	VC6			VC6
210	VC7			VC7
211	VCC			VCC
212	VCM			VCM
213	VCS			VCS
214	VDL			VDL
215	VFS			VFS
216	VGP			VGP
217	VGS			VGS
218	VHE			VHE
219	VIF			VIF
220	VIT			VIT
221	VLA			VLA
222	VMC			VMC
223	VMS			VMS
224	VNC			VNC
225	VNF			VNF
226	VNR			VNR
227	VSA			VSA
228	VSM			VSM
229	VTH			VTH
230	VTZ			VTZ
231	WCS			WCS

232	X20			X20
-----	-----	--	--	-----

<https://www.vpbanks.com.vn/post/danh-muc-chung-khoan-giao-dich-ky-quy-ap-dung-tu-ngay-06-10-2025>

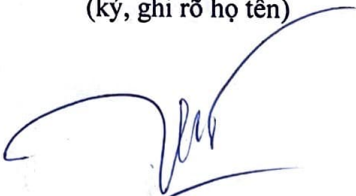
Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Thu Hà

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Lê

TUO TONG GIAM DOC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIAM DOC TRUNG TAM VAN HANH GIAO DICH
Lê Văn Minh

